**VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PTNNNT**

**DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - VNSAT**

**Hà Nội, 2020**

**BÁO CÁO**

**THỊ TRƯỜNG ĐỐI THỦ CẠNH TRANH - THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ INDONESIA**

**MỤC LỤC**

[I. GIỚI THIỆU CHUNG 4](#_Toc59535136)

[1.1. Thông tin chung 4](#_Toc59535137)

[1.2. Kinh tế 5](#_Toc59535138)

[1.3. Nền nông nghiệp Indonesia 7](#_Toc59535139)

[II. THỰC TRẠNG NGÀNH CÀ PHÊ CỦA INDONESIA 9](#_Toc59535140)

[2.1. Sản xuất 9](#_Toc59535143)

[2.2. Hoạt động chế biến và sơ chế sản phẩm 12](#_Toc59535144)

[2.3. Chính sách hỗ trợ sản xuất 13](#_Toc59535145)

[III. THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ INDONESIA 14](#_Toc59535146)

[3.1. Xuất khẩu 14](#_Toc59535148)

[3.2. Nhập khẩu 17](#_Toc59535149)

[3.3. Tiêu dùng trong nước 18](#_Toc59535150)

[3.4. Biến động giá cà phê trong nước 20](#_Toc59535151)

[3.5. Chính sách thương mại 21](#_Toc59535152)

[IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM 22](#_Toc59535153)

[PHỤ LỤC 24](#_Toc59535155)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 27](#_Toc59535156)

**DANH MỤC HÌNH**

[Hình 1: Tăng trưởng kinh tế Indonesia năm 2020 6](#_Toc59535168)

[Hình 2: GDP ngành nông nghiệp Indonesia so với GDP cả nước từ 2007 đến nay 8](#_Toc59535169)

[Hình 3: Diện tích trồng cà phê tại Indonesia giai đoạn 2010-2018 11](#_Toc59535170)

[Hình 4: Sản lượng và năng suất cà phê tại Indonesia từ 2010-2019 11](#_Toc59535171)

[Hình 5: Sản lượng cà phê chế biến tại Indonesia giai đoạn 2010-2019 12](#_Toc59535172)

[Hình 6: Lượng và giá trị xuất khẩu cà phê giai đoạn 2010-2019 14](#_Toc59535173)

[Hình 7: Cơ cấu xuất khẩu cà phê thô và chế biến Indonesia từ 2008-2019 15](#_Toc59535174)

[Hình 8: Cơ cấu khối lượng xuất khẩu cà phê thô và chế biến Indonesia từ 2008-2019 16](#_Toc59535175)

[Hình 9: Top 5 thị trường chính xuất khẩu cà phê năm 2018 và 2019 của Indonesia 16](#_Toc59535176)

[Hình 10: Giá trị nhập khẩu cà phê của Indonesia giai đoạn 2008-2019 17](#_Toc59535177)

[Hình 11: Cơ cấu thị phần của các quốc gia xuất khẩu cà phê sang Indonesia trong năm 2018 - 2019 (%) 18](#_Toc59535178)

[Hình 12: Tiêu thụ cà phê nội địa của Indonesia từ 2007-2018 19](#_Toc59535179)

[Hình 13: Diễn biến giá cà phê Robusta tại Lampung và cà phê cà phê Arabica tại Medan từ 2016 - nay (nghìn Rupi Indonesia/kg) 20](#_Toc59535180)

**DANH MỤC BẢNG**

[Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản của Indonesia 7](#_Toc59464161)

[Bảng 2: Sự phát triển của chuỗi các thương hiệu cà phê lớn tại Indonesia năm 2016 và năm 2019 19](#_Toc59464162)

#  GIỚI THIỆU CHUNG

Thống đốc Hà Lan ở Malabar (Ấn Độ) đã gửi một cây cà phê từ Yemen (Giống Arabica) cho Thống đốc Hà Lan Batavia (nay là Jakarta) vào năm 1696. Các cây cà phê đầu tiên này bị chết do ngập lụt ở Batavia. Lô cây giống thứ hai đã được gửi vào năm 1699 được trồng thành công và là dấu mốc cho sự phát triển của cây cà phê ở Indonesia. Vào năm 1719 cà phê từ Indonesia đã có mặt tại Châu Âu với cái tên “cà phê Java”. Sự thành công này không chỉ tại Indonesia mà có ảnh hưởng to lớn đến sản xuất cà phê toàn cầu. Kể từ đó tên Java và Sumatra – đã trở thành đại diện cho cà phê với chất vị hảo hạng trong nhiều thế kỷ qua.

Java và Sumatra, giống như nhiều vùng trồng cà phê khác, sở hữu một vẻ đẹp thiên nhiên tuyệt trần. Tuy nhiên cảnh tượng này hoàn toàn trái ngược với “nỗ lực và mong muốn cân nhắc đến việc người thuộc địa được đối xử như thế nào”. Các đồn điền của người Hà Lan đã gây ra không ít nỗi thống khổ cho người dân bản địa lúc bấy giờ. Như *Francis Thunber* đã nhận xét trong cuốn *Coffee: Plantation to cup* – xuất bản năm 1881, mỗi gia đình người bản địa phải canh tác 650 cây cà phê, thu hoạch và chế biến chúng cho chính phủ Hà Lan, và được trả công với cái giá rẽ mạc. Bằng cách ấy người Hà Lan đã duy trì chế độ chuyên quyền hà khắc nhất lên người thuộc địa.

Nhờ sự phát triển cây cà phê sớm, Indonesia tạo được nhiều thương hiệu cà phê được thị trường quốc tế biết đến, do đó xây dựng được các thương hiệu cà phê tương đối bền vững.

Trong khuôn khổ hoạt động xây dựng hệ thống cở sở dữ liệu ngành hàng lúa gạo và cà phê của dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững VnSAT, báo cáo phân tích thị trường đối thủ cạnh tranh về ngành cà phê – thị trường Indonesia được xây dựng nhằm mục đích nắm bắt và hiểu thông tin về tình hình sản xuất, thương mại ngành cà phê của Indonesia - nhà sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn thứ hai thế giới, đồng thời là đối thủ cạnh tranh của Việt Nam tại nhiều thị trường như Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật Bản.

## Thông tin chung

* **Tên đầy đủ**: Cộng hòa Indonesia
* **Diện tích**: 1,904,569 km2
* **Vị trí địa lý:** Thuộc Đông Nam Á. Indonesia gồm 13.487 hòn đảo, khoảng 6.000 trong số đó không có người ở. Các hòn đảo nằm rải rác ở cả hai phía đường xích đạo. Năm hòn đảo lớn nhất là Java, Sumatra, Kalimantan (phần Borneo thuộc Indonesia), New Guinea (cùng chung với Papua New Guinea), và Sulawesi. Indonesia có biên giới trên bộ với Malaysia trên hòn đảo Borneo và Sebatik, Papua New Guinea trên đảo New Guinea, và Đông Timor trên đảo Timor. Indonesia cũng có chung biên giới với Singapore, Malaysia, và Philippines ở phía bắc và Australia ở phía nam bằng một dải nước hẹp. Hơn 2/3 lãnh thổ là rừng mưa nhiệt đới.
* **Khí hậu**: Khí hậu nhiệt đới xích đạo, lượng mưa lớn quanh năm.

## Kinh tế

Hãng tin Reuters dẫn dữ liệu mới nhất công bố ngày 5-11 cho biết Indonesia đã rơi vào suy thoái kinh tế lần đầu tiên trong hơn 20 năm khi đại dịch COVID-19 ảnh hưởng nặng tới hoạt động kinh doanh và tiêu dùng ở quốc gia có nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á này, khiến hàng triệu việc làm bị mất.

Cụ thể, tổng sản phẩm nội địa (GDP) của Indonesia đã giảm 3,49% trong quý 3 năm nay so với cùng kỳ năm 2019. Mức giảm này lớn hơn so với dự báo của các chuyên gia kinh tế. Trước đó, mức giảm trong quý 2 là 5,32%. Nhà chức trách Indonesia dự báo khoảng 3,5 triệu người ở nước này mất việc làm trong năm nay. Tuy nhiên, chính phủ nước này kỳ vọng suy thoái kinh tế chỉ diễn ra trong ngắn ngủi. Bộ trưởng Tài chính Sri Mulyani Indrawati của Indonesia nói rằng "điều tồi tệ nhất đã qua đi" đối với nền kinh tế xứ vạn đảo, với tình hình phục hồi được ghi nhận trong cả đầu tư và tiêu dùng. Người đứng đầu Cục Thống kê trung ương Indonesia Suhariyanto cho biết dù rơi vào suy thoái trong hơn 20 năm, nền kinh tế nước này đã cho thấy bước cải thiện trong quý 3 so với quý 2 ở mọi lĩnh vực.

Theo Hãng tin Bloomberg, Bộ trưởng Kế hoạch phát triển quốc gia Suharso Monoarfa của Indonesia hi vọng mức tăng trưởng GDP trong quý cuối cùng sẽ từ giảm 1,6% tới tăng 0,6%.

Theo Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Cải cách Kinh tế Indonesia, Piter Abdullah, dự báo âm 2-2,5% tương tự với dự báo của Ngân hàng Thế giới ước tính nền kinh tế Indonesia sẽ tăng trưởng ở mức âm 2,2% và tăng trưởng kinh tế sẽ còn âm chừng nào đại dịch vẫn tiếp tục bởi tiêu dùng hộ gia đình và đầu tư sẽ vẫn ở mức dưới trung bình.

Đại dịch Covid-19 khiến nền kinh tế Indonesia rơi vào mức suy thoái khi tăng trưởng âm liên tiếp trong quý 2 và quý 3. Trong khi đó, trong quý 4 năm 2020, tăng trưởng kinh tế Indonesia dự báo đạt âm từ 1-2%.

Hình 1: Tăng trưởng kinh tế Indonesia năm 2020



Nguồn : Bộ tài chính Indonesia

Giám đốc Ngân hàng Thế giới tại Indonesia, ông Satu Kahkonen cho biết, dù suy thoái nhưng không có nghĩa là Indonesia không có hy vọng phục hồi trong năm tới. "Hành trình phục hồi sẽ còn dài và đầy thách thức. Do đó, các chính sách kinh tế và sức khỏe cộng đồng vững chắc sẽ là chìa khóa cho các nỗ lực phục hồi kinh tế của quốc gia này

Indonesia là nước chịu tác động mạnh nhất từ cuộc Khủng hoảng tài chính Đông Á năm 1997–1998. Tỷ giá tiền tệ nước này so với đồng đô la Mỹ đã giảm từ khoảng 2.000 Rp tới 18.000 Rp, và nền kinh tế giảm 13,7%. Từ đó đồng rupiah đã ổn định ở mức trong khoảng 10.000 Rp/dollar, và đã xuất hiện dấu hiệu khôi phục kinh tế quan trọng tuy còn chậm chạp. Sự bất ổn chính trị, cải cách kinh tế chậm chạp và tham nhũng ở mọi cấp độ chính phủ và kinh doanh từ năm 1998 đã ảnh hưởng tiêu cực tới sự phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng GDP đã vượt 5% trong cả hai năm 2004 và 2005, và được dự báo sẽ còn tăng thêm. Mặc dù vậy, tốc độ tăng này chưa đủ mạnh đề dẫn tới một sự thay đổi lớn trong tỷ lệ thất nghiệp, và mức tăng lương, giá nhiên liệu và gạo tăng cao càng làm trầm trọng hơn vấn đề đói nghèo. Năm 2006, ước tính 17,8% dân số sống dưới mức mức nghèo khổ, 49,0% dân số sống với chưa tới 2 đô la mỗi ngày, và tỷ lệ thất nghiệp ở mức 9,75%.

Người Hoa là thế lực chi phối nền kinh tế Indonesia. Người Hoa chỉ chiếm 2,5% trong tổng dân số Indonesia, nhưng lại kiểm soát tới trên 70% kinh tế nước này, trong đó kiểm soát trên 75% ngành sản xuất bánh mì, miến, kiểm soát 80% ngành may mặc, 65% ngành nhuộm và 80% ngành lâm sản. Cuối năm 1993, 68% doanh nghiệp quy mô lớn của Indonesia do người Hoa kiểm soát.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản của Indonesia

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2016** | **2017** | **2018** | **2019 (dự kiến)** | **2020 (dự kiến)** |
| Tốc độ tăng trưởng GDP | 5.03% | 5.07% | 5.17% | 5.05% | 5.11% |
| CPI | 3.53% | 3.81% | 3.20% | 3.60% | 3.50% |
| Xuất khẩu hàng hóa (Tỷ USD), giá FOB | 177.9 | 205.0 | 218.5 | 229.5 | 241.3 |
| Nhập khẩu hàng hóa (tỷ USD), giá FOB | 170.8 | 194.7 | 229.9 | 238.1 | 246.5 |

 *Nguồn: Ngân hàng Thế giới*

## Nền nông nghiệp Indonesia

Số lao động (từ 15 tuổi trở lên) trong ngành nông nghiệp của Indonesia đã giảm từ 40,61 triệu người năm 2003 xuống còn 38,86 triệu người năm 2013, trong khi trong cùng kỳ sản lượng lúa gạo đã tăng từ 52,14 triệu tấn lên 69,27 triệu tấn, tương ứng với mức tăng trung bình 3,9%/năm. Ngoài ra, số hộ gia đình nông dân ở Indonesia cũng đã giảm trong thập kỷ qua, từ mức 31,13 triệu hộ xuống còn 25,13 triệu hộ. Trong đó đảo Java - khu vực sản xuất nông nghiệp lớn nhất đất nước “Vạn Đảo” có số hộ nông dân giảm từ 17,91 triệu hộ xuống còn 13,42 triệu hộ, đảo Sumarta và Sulawesi - khu vực trồng lúa lớn thứ hai và ba cũng trong tình trạng tương tự.

Ngành nông nghiệp Indonesia vẫn còn tụt hậu xa so với các nước láng giềng trong khu vực và chưa đáp ứng đủ nhu cầu trong nước. Mặc dù đã liên tục nâng cao được năng suất trong thập kỷ qua trong khi số lao động trong ngành giảm sút, song nông nghiệp Indonesia hiện vẫn còn thua kém các nước láng giềng trong khu vực Đông-Nam Á.

Hiện nay, ngành nông nghiệp đóng góp 12,8% vào GDP của đất nước. Do đó, Chính phủ Indonesia cần phân bổ ngân sách nhiều hơn cho lĩnh vực nông nghiệp và hối thúc chính quyền các cấp ưu tiên phát triển nông nghiệp như các lĩnh vực giáo dục hay y tế, để có thể khai thác hết thế mạnh và tiềm năng nông nghiệp của địa phương.

Hình 2: GDP ngành nông nghiệp Indonesia so với GDP cả nước từ 2007 đến nay

*Nguồn:* *Ngân hàng Thế giới*

Ngành nông nghiệp Indonesia hiện tụt hậu so với nước láng giềng Malaysia tới 10 năm. Việc quản lý đất nông nghiệp thiếu chặt chẽ cũng gây không ít khó khăn cho ngành nông nghiệp tại địa phương. Năm 2010, khoảng 100.000 hécta đất nông nghiệp Indonesia đã bị chuyển giao cho các nhà máy và ngành bất động sản, gây nhiều thách thức cho việc đáp ứng nhu cầu trong nước đối với một số mặt hàng nông sản. Mặc dù, năng suất trong những năm gần đây được cải thiện, song Indonesia vẫn phụ thuộc nặng nề vào nhập khẩu nông sản, từ gạo đến đậu tương và đường mía.

Do vậy, để giảm được sự phụ thuộc vào nhập khẩu nông sản - bước đầu tiên để đạt được mục tiêu tự đảm bảo lương thực và an ninh lương thực. Indonesia cần tăng cường và đầu tư nhiều hơn nữa vào việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp và các ngân hàng nông nghiệp cũng cần phải phát huy được vai trò như một nguồn cung tài chính quan trọng cho việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

# THỰC TRẠNG NGÀNH CÀ PHÊ CỦA INDONESIA

1.
2.

## Sản xuất

* *Các khu vực trồng cà phê nổi tiếng:*

Bên cạnh việc đóng góp sản lượng đáng kể cho thị trường cà phê thế giới, Indonesia từ lâu đã tạo dựng danh tiếng từ các loại cà phê đặc sản. Trong đó các loại cà phê được bán kèm chỉ đẫn địa lý như Sumatra, Java, Bali, Sulawesi… đều được đánh giá cao bởi chất lượng. Và một trong những cái tên hết sức đặc biệt luôn gợi nhắc đến quốc đảo này là cà phê Kopi Luwak – được biết đến như một trong những loại cà phê đắt nhất thế giới. Trong đó:

Cà phê Sumatra: Một đại diện nổi tiếng trong ngành cà phê thế giới, cà phê Sumatra còn được nhắc đến nhiều hơn cà phê Indonesia. Các loại cà phê Sumatra Mandheling, Sumatra Gayo, Ankola hay Lintong với các chứng nhận Fair trade coffee và Organic cofee cùng hương vị độc đáo mà quên đi nó thuộc về Indonesia. Cà phê Sumatra Mandheling là một trong bốn loại cà phê Arabica phổ biến của Sumatra phát triển ở độ cao lên đến 750 đến 1.500 mét so với mực nước biển. Trong khi hầu hết cà phê Indonesia được đặt tên theo khu vực địa lý thì cà phê Mandheling được đặt tên theo người Mandailing ở phía bắc Sumatra và được xem là một trong những loại cà phê đặc sản hàng đầu thế giới;

Cà phê Java: Tây Java là vùng cà phê sớm nhất thuộc VOC từ khi người Hà Lan bắt đầu trồng trọt và xuất khẩu cà phê trên đảo Java từ thế kỷ 17. Sản xuất cà phê Arabica của Java tập trung tại Ijen Plateau – cực đông của Java trên độ cao hơn 1.400 mét.

* *Phương pháp thu hoạch:*

Hầu hết cà phê Indonesia được thu hái, lựa chọ bằng tay từ quy mô gia đình đến hợp tác xã. Hầu hết nông dân về Sulawesi, Sumatra, Flores, và Papua sử dụng phương pháp chế biến “Giling Basah” (Một phương pháp chế biến ướt truyền thống). Trong kỹ thuật này, người nông dân se xay xát cà phê trong một máy xay thủ công được gọi là “Luwak”. Các hạt cà phê, vẫn còn được bọc bởi một lớp chất nhầy sẽ được ủ trong vòng một ngày, sau đó mang cà phê rữa sạch, phơi khô.

* *Chủng loại cà phê:*

Ngoài việc là một gia đóng góp phần lớn sản lượng cà phê thế giới, Indonesia còn nổi tiếng với các loại Specialty Coffee. Nổi tiếng nhất trong số này là cà phê Luwak (Kopi Luwak), cà phê Toraja, cà phê Aceh và cà phê Mandailing.

* Trong số này cà phê Luwak – có thể là loại nổi tiếng nhất đồng thời cũng có hương vị độc đáo nhất. Cũng như cà phê Chồn của Việt Nam, Những con chồn hoang dã của Indonesia chỉ chọn những quả cà phê chín để ăn, hạt cà phê thải ra theo phân. Do quá trình lên men đặc biệt này diển ra trong da dày của chồn với các loại Enzime động vật phức tạp đã làm cho loại cà phê này có một hương vị phong phú hơn.
* Diện tích sản xuất cà phê tại Indonesia trong 6 năm trở lại đây giảm nhiểu do người dân trồng cà phê thua lỗ và chuyển đổi sang trồng cây khác. Bên cạnh đó, theo dữ liệu của Bộ Nông nghiệp, sản lượng cà phê Indonesia đã giảm khoảng 8% trong 5 năm vừa qua. Nông dân cho biết thời tiết thất thường, thiếu chăm sóc vườn cây và chuyển sang các cây trồng khác là nguyên nhân khiến năng suất cà phê Indonesia giảm.
* *Diện tích*

Trong 3 năm gần đây, Indonesia giữ vị trí nhà sản xuất cà phê lớn thứ tư trên thế giới sau Brazil, Việt Nam và Colombia. Tổng diện tích che phủ bởi cây cà phê của Indonesia khoảng 1,24 triệu ha, 933 ha trồng robusta và 307 ha trồng arabica. Hơn 90% tổng diện tích được trồng bởi những hộ dân quy mô nhỏ. Khác với các quốc gia Nam Mỹ như Brazil, Colombia, Costa Rica… hầu hết sản xuất loại hạt Arabica chất lượng cao. phần lớn sản lượng cà phê của Indonexia là các loại Robusta chất lượng thấp (khoảng 80%).Đồng thời xuất khẩu cà phê chế biến chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng xuất khẩu cà phê của Indonesia.

Hình 3: Diện tích trồng cà phê tại Indonesia giai đoạn 2010-2018

*Nguồn: FAO*

* *Năng suất và sản lượng*

Trong cơ cấu sản xuất cà phê của Indonesia, sản lượng cà phê Robusta chiếm khoảng 72% tổng sản lượng cả nước. Hiện có khoảng 2 triệu nông dân Indonesia tham gia ngành hàng cà phê với năng suất bình quân hàng năm đạt khoảng 9-10 bao 60kg/ha (tương đương mức 5,4-6 tạ/ha, thấp hơn rất nhiều so với mức bình quân 23 tạ/ha của Việt Nam). Tổng sản lượng cà phê của Indonesia trong năm 2019 được dự báo đạt 700.000 tấn.

Hình 4: Sản lượng và năng suất cà phê tại Indonesia từ 2010-2019

*Nguồn: ICO và FAO*

* *Một số bất cập trong sản xuất cà phê tại Indonesia:*
* Hầu hết cà phê của Indonesia được trồng bởi các nông hộ nhỏ với quy mô trang trại trung bình từ 1 ha trở xuống.
* Giao thông là vấn đề lớn đối với ngành cà phê Indonesia do phải vận chuyển hàng hóa qua một chuỗi các hòn đảo.
* Tình trạng bất bình đẳng giới đối với phụ nữ trồng cà phê. Một số phụ nữ nông thôn ở Java chỉ nhận được 1,75 đô la mỗi ngày khi hái cà phê (ít hơn mức lương tối thiểu hợp pháp). Một phần là do nông dân trồng cà phê không được hưởng lợi nhiều từ chuỗi cung ứng, mặt khác chỉ vì họ là phụ nữ.

## Hoạt động chế biến và sơ chế sản phẩm

Hiện nay, đa phần cà phê Indonesia được chế biến ướt, tuy nhiên ở các vùng như Sulawesi và Sumatra kỹ thuật chế biến ‘Giling Basah‘vẫn được sử dụng. Theo cách này, sau khi thu hái người nông dân sẽ xát vỏ quả cà phê trong một máy xay thủ công được gọi là “Luwak”. Các hạt cà phê, vẫn còn được bọc bởi một lớp chất nhầy sẽ được ngâm nước, sau đó hong khô và mang đến nhà máy để sát bỏ vỏ trấu (độ ẩm vẫn còn ở khoảng 35%). Cuối cùng chúng được trải ra sân phơi để hạ độ ẩm xuống dưới 12% trong 3 ngày tiếp theo.

Sản lượng cà phê của Indonesia hẩu hết là các loại Robusta chất lượng thấp. Tuy nhiên, các giống cà phê Arabica của Indonesia có độ axit thấp và đậm đà hơn (strong bodies), khiến chúng trở nên lý tưởng để pha trộn với các loại cà phê có độ axit cao hơn từ Trung Mỹ và Đông Phi.

Hình 5: Sản lượng cà phê chế biến tại Indonesia giai đoạn 2010-2019

*Nguồn: USDA*

Indonesia có rất nhiều cái tên để cung cấp cho thị trường cà phê đặc sản, với các hồ sơ hương vị riêng biệt và độc đáo tùy thuộc vào khu vực và chế biến. Đáng chú ý nhất trong gần một nghìn hòn đảo này là Sumatra & Java; tuy nhiên, các đảo khác của Sulawesi, Flores và Bali cũng sản xuất cà phê với chất lượng nổi trội.

## Chính sách hỗ trợ sản xuất

Sản lượng cà phê bình quân hàng năm của Indonesia đứng ở mức 600 nghìn tấn, với tổng diện tích trồng cà phê 1,3 triệu ha. Trong đó, 45% được tiêu thụ ở trong nước và phần còn lại được xuất khẩu.

Indonesia đang tìm cách liên kết chặt chẽ các bên trong ngàn hàng cà phê, đặc biệt là các nhà máy chế biến – rang xay nhằm giúp đỡ các hộ nông dân tiếp cận vốn và nâng cao năng suất. Indonesia hiện yêu cầu Bộ Nông nghiệp nước này và Viện nghiên cứu cà phê và cacao phối hợp nhằm giúp nông dân nước này lựa chọn đúng các loại phân bón, hạt giống chất lượng cao và phương thức canh tác giảm thiểu sâu bệnh và có năng suất cao. Tháng 10/2019, Hiệp hội ngành hàng và các nhà xuất khẩu cà phê Indonesia (AICEI) cho biết nước này dự kiến sẽ tăng quy mô gieo trồng cà phê thêm 50 – 60% trong vòng 5 năm tới.

Indonesia là nước sản xuất cà phê lớn thứ 4 thế giới nhưng Indonesia sản xuất chủ yếu cà phê Robusta vốn là loại cà phê chất lượng thấp hơn Arabica và sản lượng cà phê Robusta của Indonesia liên tục giảm trong các năm gần đây. Thực trạng này đã khiến chính phủ Indonesia quyết định tái canh 8.850ha diện tích cà phê năng suất thấp và tăng thêm 200ha diện tích trồng mới cà phê tại trung Kalimantan. Theo báo cáo từ cơ quan trồng trọt của Bộ Nông nghiệp nước này, chỉ riêng trong năm 2017, 2,66 triệu USD đã được phân bổ cho mục đích trên.

Phát biểu tại Hội thảo với chủ đề "Indonesia trong bản đồ cà phê thế giới: Cơ hội và triển vọng” do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn (C-RiSSH), Đại học Jember (Đông Java, Indonesia) tổ chức ngày 5/9/2020, Bộ trưởng Nghiên cứu và Công nghệ kiêm Giám đốc Cơ quan Nghiên cứu và Đổi mới quốc gia Indonesia, ông Bambang Brodjonegoro, cho biết nước này quyết tâm nâng cao năng suất cà phê để giành lại vị trí nhà sản xuất cà phê lớn thứ hai thế giới. Việc tăng sản lượng cà phê là một trong những chương trình kinh tế quốc gia, với các đồn điền cà phê quy mô nhỏ chiếm tới 96% tổng sản lượng cà phê của [Indonesia](https://bnews.vn/tag/indonesia/168643/1.html).

Nếu năng suất cà phê được nâng cao hơn, thì cộng đồng, từ người nông dân đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực cà phê, sẽ cảm nhận được tác động tích cực từ điều này. Do đó, bên cạnh các chương trình tái canh cà phê và đăng ký chỉ dẫn địa lý của chính phủ Indonesia, còn có sự tham gia hỗ trợ của các Hiệp hội ngành hàng.

Theo Bộ Nghiên cứu và Công nghệ thông qua Viện LIPI đã phát triển nhiều công nghệ phù hợp để hỗ trợ nông dân trồng cà phê, như chương trình sản xuất sản phẩm cà phê Aroma Kopi Sumba, từng đạt danh hiệu quán quân cà phê quốc gia năm 2017 và 2018.

# THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ INDONESIA

1.

## Xuất khẩu

Indonesia là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ 4 thế giới. Tuy nhiên trong 3 năm gần đây khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê của nước này đang có xu hướng giảm. Xuất khẩu cà phê của Indonesia trong năm 2019 đạt 553,9 nghìn tấn với giá trị kim ngạch đạt gần 1,5 tỷ USD, tăng mạnh so với năm 2018, tuy nhiên vẫn thấp hơn mức xuất khẩu năm 2016 và 2017. Giá xuất khẩu bình quân cà phê của Indonesia năm 2019 đạt 2.679 USD/tấn, giảm 5,2% so với năm 2018.

Hình 6: Lượng và giá trị xuất khẩu cà phê giai đoạn 2010-2019

*Nguồn: Trademap*

Giá trị xuất khẩu cà phê của Indonesia tăng trung bình 4%/năm trong giai đoạn từ 2008 – 2019, từ 1,1 tỷ USD năm 2008 tăng lên gần 1,5 tỷ USD năm 2019. Về cơ cấu xuất khẩu cà phê, Indonesia chủ yếu vẫn xuất khẩu cà phê thô, nhưng tỷ trọng xuất khẩu cà phê chế biến tăng khá mạnh trong 12 năm qua, từ mức 8,2% năm 2008 lên đến 41,2% năm 2019. Nhờ đó, giá trị kim ngạch thu về và giá cà phê xuất khẩu bình quân cũng tăng mạnh.

Hình 7: Cơ cấu xuất khẩu cà phê thô và chế biến Indonesia từ 2008-2019

*Nguồn: Trademap*

Khối lượng cà phê thô xuất khẩu có xu hướng giảm dần, từ 95,3% năm 2008 thị phần giảm xuống còn 64,2% năm 2019, trong khi đó khối lượng cà phê chế biến xuất khẩu lại có xu hướng tăng, từ 4,7% thị phần năm 2008 tăng lên 35,8% thị phần năm 2019.

Hình 8: Cơ cấu khối lượng xuất khẩu cà phê thô và chế biến Indonesia từ 2008-2019

*Nguồn: Trademap*

 Theo nguồn số liệu từ Trademap, thị trường xuất khẩu chính của cà phê Indonesia năm 2019 đứng đầu là Philippine đạt 458,9 triệu USD (chiếm 30,9% tổng giá trị xuất khẩu cà phê của Indonesia), tiếp đến là Hoa Kỳ đạt 256,2 triệu USD (chiếm 17,3%), Malaysia đạt 100,4 triệu USD (chiếm 6,8%), Nhật Bản đạt 74,1 triệu USD (chiếm 5%), Italy đạt 60,6 triệu USD (chiếm 4,1%), các thị trường khác chiếm 36%.

Hình 9: Top 5 thị trường chính xuất khẩu cà phê năm 2018 và 2019 của Indonesia

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

*Nguồn: Trademap*

Hiệp hội các nhà Công nghiệp và Xuất khẩu Cà phê Indonesia (the Association of Indonesian Coffee Exporters and Industries – AIKEI) cho biết sẽ gia tăng sản lượng cà phê thêm 50 – 60% trong vòng 5 năm tới để đón đầu sức tiêu thụ gia tăng của các thị trường mới nổi, nhất là Trung Quốc với dân số “khổng lồ”, bất chấp tuyên bố của Brazil mới đây là kỳ vọng sẽ trở thành nhà sản xuất robusta hàng đầu để thay thế Việt Nam.

Indonesia chủ yếu xuất khẩu cà phê nhân xô, mà chất lượng không cao. Tuy nhiên Indonesia đã biết tận dụng lợi thế để phát huy được đặc trưng sản phẩm của mình. Nhờ đó, giá trị xuất khẩu cà phê của nước này cũng thường cao hơn Việt Nam nhờ vào tăng tỷ trọng cà phê chế biến sâu. Trong 12 năm qua, giá xuất khẩu bình quân cà phê Indonesia luôn giữ ở mức cao hơn Việt Nam từ 300-500 USD/tấn.

## Nhập khẩu

Mặc dù là nước sản xuất cà phê lớn thứ 4 thế giới, nhưng do nhu cầu tiêu thụ tăng đáng kể trong vài năm trở lại đây nên lượng nhập khẩu cà phê vào Indonesia cũng tăng nhanh chóng, trung bình tăng 17,4%/năm trong giai đoạn 2008 – 2019, từ 92,9 triệu USD năm 2008 tăng lên 168,4 triệu USD năm 2019. Giá trị nhập khẩu năm 2019 của Indonesia giảm 45% so với năm 2018 và tăng 81,3% so với năm 2010. Năm 2018 giá trị nhập khẩu tăng mạnh là do sự bùng nổ tiêu thụ cà phê nội địa của Indonesia tăng cao cộng với giá cà phê quốc tế giảm sâu, trong khi sản xuất trong nước thường xuyên không đủ đáp ứng tiêu dùng.

Hình 10: Giá trị nhập khẩu cà phê của Indonesia giai đoạn 2008-2019

*Nguồn: Trademap*

Indonesia chủ yếu nhập khẩu cà phê nhân xô thô để sử dụng làm nguyên liệu cho sản xuất chế biến cà phê nhân xô và cà phê hòa tan phục vụ nhu cầu tiêu thụ nội địa. Do đó, các nhà cung cấp chính của nước này chính là các quốc gia sản xuất cà phê lớn như Việt Nam và Brazil.

Hình 11: Cơ cấu thị phần của các quốc gia xuất khẩu cà phê sang Indonesia trong năm 2018 - 2019 (%)

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

*Nguồn: Trademap*

Trong năm 2019, quốc gia xuất khẩu cà phê lớn nhất vào Indonesia là Brazil với kim ngạch đạt 49,5 triệu USD, chiếm đến 29,4% tổng kim ngạch nhập khẩu cà phê của Indonesia. Vị trí thứ 2 thuộc về Việt Nam với kim ngạch 42,1 triệu USD, chiếm 25% thị phần. Ba thị trường lớn tiếp theo là Malaysia, Ấn Độ và Timor-Leste chiếm thị phần lần lượt là 24,2%, 7% và 3,5%.

## Tiêu dùng trong nước

Theo số liệu của ICO, tiêu dùng cà phê ở Indonesia đã tăng gấp 1,38 lần trong 7 năm qua, đưa đất nước này trở thành một trong những thị trường cà phê phát triển nhanh nhất thế giới.

Hình 12: Tiêu thụ cà phê nội địa của Indonesia từ 2007-2018

*Nguồn: ICO và USDA*

Tiêu dùng cà phê tại Indonesia đã tăng gấp đôi trong 10 năm qua do ngày càng nhiều người trẻ Indonesia bị ảnh hưởng bởi thói quen tiêu dùng cà phê tại Úc và Mỹ – các nước có đông sinh viên Indonesia theo học.

Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ, mức tiêu thụ cà phê của Indonesia niên vụ 2019/20 sẽ đạt mức 4,9 triệu bao, tăng 600.000 bao so với niên vụ 2018/19. Nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm cà phê vẫn còn mạnh, đặc biệt là trong lực lượng lao động trẻ và thành thị đang thúc đẩy doanh số bán hàng tại một số cửa hàng cà phê mới tại các không gian công cộng như trung tâm mua sắm, trung tâm giao thông và tòa nhà văn phòng.

Bảng 2: Sự phát triển của chuỗi các thương hiệu cà phê lớn tại Indonesia năm 2016 và năm 2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thương hiệu cà phê** | **Khai trương lần đầu** | **Số cửa hàng** |
| **2016** | **2019** |
| Starbucks | 2002 | 248 | 418 |
| Excelso | 1991 | 126 | 140 |
| Coffee Toffee | 2006 | 155 | 157 |
| Coffee Bean & Tea | 2001 | 108 | 101 |
| Maxx Coffee | 2015 | 50 | 88 |
| Kopi Kenangan | 2017 | - | 154 |
| Fore Coffee | 2018 | - | 60 |

*Nguồn: USDA*

Các công ty lớn trong thị trường cà phê chuỗi cửa hàng là Starbucks với 44,5% giá trị thị phần, tiếp theo là Excelso Cafe (11,2%), Coffee Bean & Tea (9%) và Coffee Toffee (3,6%). Những khách hàng gần đây trong phân khúc cửa hàng bán lẻ cà phê hạng trung bao gồm Kopi Kenangan và Fore Coffee, những thương hiệu được biết đến với việc sản xuất cà phê mới pha của hạt cà phê địa phương. Các công ty khởi nghiệp này đã mở rộng nhanh chóng bằng cách điều hành hầu hết các cửa hàng của “Pick-up” (hoặc take-away - khách hàng mang đi), thay vì các quán cà phê ngồi uống tại quán. Mặc dù văn hóa quán cà phê ngày càng phát triển, nhiều người Indonesia vẫn thích sử dụng cà phê hòa tan dạng gói gói và các sản phẩm cà phê ba trong một vì sự tiện lợi và giá cả phải chăng.

## Biến động giá cà phê trong nước

Trong niên vụ 2018/19, giá cà phê trong nước của Indonesia chủ yếu diễn biến theo xu hướng giá cà phê quốc tế. Giá cà phê Robusta gần như liên tục giảm từ đầu năm, từ mức 22.528 Rupi Indonesia/kg trong tháng 1 xuống mức thấp nhất là 17.862 Rupi Indonesia/kg vào tháng 10 năm 2019.

Bình quân giá cà phê Robusta thu mua tại Lampung của nước này trong niên vụ vừa qua đạt 20.395 Rupi Indonesia/kg, giảm 19,9% so với năm 2018.

Hình 13: Diễn biến giá cà phê Robusta tại Lampung và cà phê cà phê Arabica tại Medan từ 2016 - nay (nghìn Rupi Indonesia/kg)

*Nguồn: USDA*

Tương tự, giá cà phê Arabica bình quân niên vụ 2018/2019 đạt khoảng 49.458 Rupi Indonesia/kg, thấp hơn 11,4% so với mức giá bình quân năm trước (khoảng 55.851 Rupi Indonesia/kg). Mức giá cao nhất đạt được vào tháng 1 là 52.101 Rupi Indonesia/kg, giá thấp nhất vào tháng 4/2019 là 46.849 Rupi Indonesia/kg.

## Chính sách thương mại

Indonesia hiện đang tích cực thúc đẩy và đàm phán các hiệp định thương mại tư do (FTA) cả về song phương lẫn đa phương với một số đối tác lớn như Hàn Quốc, Úc, Ấn Độ, EU, Hiệp định RCEP... Các FTA Indonesia tham gia: Indonesia hiện là thành viên của FTA ASEAN, và FTA giữa ASEAN với một số đối tác. Hiện Indonesia đang tiến hành đàm phán các FTA với một số quốc gia như Peru, Kenya, Mozambique, Nam Phi và Morocco, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Úc, Ấn Độ, EU, Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện (CEPA) với Hội đồng hợp tác vùng vịnh, Hiệp định RCEP.

Trong những năm qua, chính phủ Indonesia đã ban hành nhiều chính sách mới nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Indonesia nói chung cũng như xuất khẩu cà phê nói riêng. Chính phủ Indonesia một mặt đang tập trung nhiều biện pháp nhằm thúc đẩy xuất khẩu, mặt khác sử dụng nhiều biện pháp phòng vệ thương mại để thúc đẩy sản xuất trong nước, hạn chế nhập khẩu. Indonesia đang tìm cách mở rộng các thị trường xuất khẩu, tránh phụ thuộc vào các thị trường truyền thống.

Theo Giám đốc các vấn đề đồn điền thuộc Bộ Nông nghiệp, ông Achmad Mangga Barani cho biết “Chiến lược cà phê quốc gia của Indonesia đến năm 2025 là tăng khối lượng xuất khẩu, tăng giá trị gia tăng để có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế.” Hiện Indonesia không còn xuất khẩu cà phê nguyên liệu thô nhưng chất lượng cà phê đã qua chế biến của nước này vẫn chưa được khách hàng đánh giá cao. Theo chương trình này, diện tích trồng cà phê Robusta sẽ vẫn được duy trì là 1,23 triệu ha, và sản lượng tăng lên 865 ngàn tấn, năng suất đạt 1000 kg /ha/năm. Trong đó lượng xuất khẩu loại cà phê này dự kiến sẽ được tăng lên 505 ngàn tấn/năm và thu nhập của nông dân trồng cà phê sẽ được tăng lên 3.000USD/năm.

Chính phủ cũng có kế hoạch mở rộng diện tích trồng cà phê Arabica lên 236 ngàn ha, sản lượng tăng từ 81 ngàn tấn lên mức 193 ngàn tấn, năng suất đạt 1.200kg/ha/năm, trong đó xuất khẩu 135 ngàn tấn.

Để đạt được mục tiêu trên, chính phủ Indonesia đã ban hành nhiều chính sách đầu tư nhằm hỗ trợ phát triển cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm cầu, đường, cảng, và các phương tiện giao thông liên lạc đồng thời đảm bảo nguồn năng lượng. Ngoài ra, để hỗ trợ phát triển ngành cà phê quốc gia, chính phủ cũng sẽ đảm bảo hỗ trợ về mặt tài chính từ cả ngân hàng và các tổ chức phi ngân hàng.

# BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

1.

Indonesia hiện có khoảng 74 triệu người thuộc tầng lớp trung lưu, chiếm gần 1/3 dân số nước này. Số lượng các hộ gia đình ở Indonesia có thu nhập bình quân hàng năm từ 5.000 USD đến 15.000 USD, được dự kiến là sẽ tăng từ 36% tổng dân số lên trên 58% tổng dân số vào năm 2020. Hơn 60 triệu người lao động Indonesia có thu nhập thấp dự kiến sẽ trở thành tầng lớp trung lưu vào thập kỷ tới, qua đó sẽ làm tăng đáng kể nhu cầu tiêu dùng tại Indonesia. Vì vậy, Indonesia sẽ là thị trường xuất khẩu giàu tiềm năng cho cà phê Việt Nam, bởi nhu cầu của người dân Indonesia đối với những mặt hàng này đang tăng mạnh, trong khi năng lực sản xuất trong nước của Indonesia cả khách quan và chủ quan hiện chưa đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Cà phê là một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất của Indonesia, đem lại nguồn thu nhập lớn cho nông dân. Khác với Việt Nam, Indonesia từ lâu đã tạo dựng được danh tiếng từ các loại cà phê đặc sản. Các loại cà phê được bán kèm chỉ đẫn địa lý như Sumatra, Java, Bali, Sulawesi… đều được đánh giá cao bởi chất lượng.

Đáng chú ý là cà phê Indonesia phần lớn được chế biến bằng phương pháp chế biến ướt, nhờ đó tạo ra một phẩm chất vị cao hơn cho cà phê, giúp cà phê của Indonesia có chất lượng cao, có lợi thế cạnh tranh với cà phê của các nước khác. Trong khi đó, tỷ lệ cà phê chế biến ướt của Việt Nam vẫn còn thấp, theo thống kê của MARD năm 2016 tỷ lệ cà phê chế biến ướt chỉ chiếm 15%. Phần lớn người dân vẫn thực hiện phương pháp chế biến khô nên làm cho chất lượng hạt cà phê của Việt Nam khó cạnh tranh với các nước khác.

Dựa vào cơ sở thực trạng thị trường cà phê Indonesia đã phân tích trên, ngành cà phê Việt Nam trong thời gian tới cần tập trung vào các vấn đề sau để nâng cao khả năng cạnh tranh của cà phê Việt Nam với cà phê Indonesia nói riêng và với các nước xuất khẩu cà phê lớn khác nói chung:

Phát triển ngành cà phê bền vững bằng việc phát triển mạnh công nghiệp chế biến để nâng cao giá trị nông sản, nhất là trong giai đoạn ngành cà phê đang tiến vào kỳ cạnh tranh mạnh mẽ như hiện nay. Xác định con đường tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm chỉ có thể là đầu tư vào chế biến sâu, doanh nghiệp Việt Nam cần năng động, có những bước chuyển mình tích cực, quan tâm đầu tư vào chế biến, có nhiều cố gắng trong việc đẩy mạnh sản xuất cà phê bột và cà phê hòa tan.

Đồng thời, đẩy mạnh công tác xúc tiến, tìm kiếm thị trường, quảng bá sản phẩm cà phê, nhất là sản phẩm cà phê có thương hiệu, có chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Bên cạnh đó, tích cực cung cấp thông tin, hỗ trợ DN về thị trường xuất khẩu cà phê trên thế giới, nhất là các thị trường mà hiện nay Việt Nam chưa xuất khẩu.

# PHỤ LỤC

**Bảng 1: Lượng và giá trị xuất khẩu cà phê của Indonesia giai đoạn 2008 -2019**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Lượng (triệu tấn)** | **Giá trị (tỷ USD)** | **Giá cà phê xuất khẩu BQ (USD/tấn)** |
| 2008 | 0,5 | 1,1 | 2.115 |
| 2009 | 0,5 | 0,9 | 1.613 |
| 2010 | 0,5 | 1,0 | 1.878 |
| 2011 | 0,4 | 1,3 | 2.992 |
| 2012 | 0,5 | 1,6 | 2.785 |
| 2013 | 0,6 | 1,5 | 2.198 |
| 2014 | 0,5 | 1,4 | 2.701 |
| 2015 | 0,6 | 1,5 | 2.386 |
| 2016 | 0,6 | 1,4 | 2.432 |
| 2017 | 0,2 | 1,7 | 2.538 |
| 2018 | 0,5 | 1,4 | 2.921 |
| 2019 | 0,6 | 1,5 | 2.679 |

*Nguồn: Trademap*

**Bảng 2: Diện tích và sản lượng cà phê của Indonesia**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Niên vụ** | **Sản lượng (triệu bao 60kg)** | **Năng suất (bao 60kg/ha)** | **Diện tích (nghìn ha)** |
| 2010/11 |  9,1  |  7,2  |  1.266,2  |
| 2011/12 |  6,9  |  5,4  |  1.268,5  |
| 2012/13 |  13,1  |  10,1  |  1.293,0  |
| 2013/14 |  12,8  |  10,4  |  1.233,9  |
| 2014/15 |  10,9  |  8,7  |  1.241,7  |
| 2015/16 |  12,5  |  10,2  |  1.230,5  |
| 2016/17 |  11,5  |  9,3  |  1.230,0  |
| 2017/18 |  10,9  |  8,9  |  1.228,5  |
| 2018/19 |  11,5  |  9,2  |  1.253,8  |

*Nguồn: USDA & FAO*

**Bảng 3: Tiêu thụ nội địa cà phê của Indonesia (nghìn bao 60kg)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Rang xay** | **Hòa tan** |
| 2007 | 1.510 | 280 |
| 2008 | 1.350 | 370 |
| 2009 | 1.545 | 345 |
| 2010 | 1.625 | 300 |
| 2011 | 1.175 | 475 |
| 2012 | 1.655 | 470 |
| 2013 | 2.170 | 645 |
| 2014 | 1.930 | 610 |
| 2015 | 2.125 | 775 |
| 2016 | 2.375 | 800 |
| 2017 | 2.393 | 810 |
| 2018 | 2.650 | 910 |
| 2019 | 3.100 | 1.200 |

*Nguồn: USDA*

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trang ngoại giao kinh tế trực tuyến - Bộ ngoại giao, <http://ngkt.mofa.gov.vn>
2. Trang thông tin nông sản toàn cầu, <https://gappingworld.com>
3. Vietnambiz, Báo cáo thị trường cà phê các quý năm 2018
4. <https://bnews.vn/indonesia-muon-gianh-lai-vi-tri-san-xuat-ca-phe-lon-thu-hai-the-gioi/168743.html>;
5. <https://www.statista.com/statistics/706965/production-of-coffee-in-indonesia/>;
6. Agroinfo, [http://agro.gov.vn](http://agro.gov.vn/vn/default.aspx)
7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, <https://www.mard.gov.vn/>
8. Bộ Công thương Việt Nam, <http://www.moit.gov.vn>
9. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), <https://apps.fas.usda.gov/psdonline/app/index.html#/app/home>
10. International Coffee Organization (ICO), http://www.ico.org
11. Ngân hàng thế giới WB, https://www.worldbank.org
12. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), https://www.imf.org
13. Trademap, https://www.trademap.org